

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT_____

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nhận thức được sự trong sáng là một trong những phẩm chất của tiếng Việt, là kết quả phấn đấu lâu dài của ông cha ta. Phẩm chất đó được biểu hiện ở nhiều phương diện khác nhau.

– Có ý thức giữ gìn và phát huy sự trong sáng của tiếng Việt, quý trọng di sản của cha ông ; có thói quen rèn luyện các kĩ năng nói và viết nhằm đạt được sự trong sáng ; đồng thời biết phê phán và khắc phục những hiện tượng làm vẩn đục tiếng Việt.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

– Bài này có tính lí thuyết, HS chưa được học thành bài riêng ở lớp dưới. Tuy vậy, những vấn đề trong nội dung khái niệm “sự trong sáng của tiếng Việt” và vấn đề giữ gìn sự trong sáng ấy đã được nhắc tới trong một số bài học ở các lớp dưới hoặc các bài học trước. Cho nên GV cần khơi gợi để HS có thể hệ thống hoá được những kiến thức đã có.

– Cần phối hợp giữa các nhận định lí thuyết với việc phân tích các ví dụ trong thực tế và làm các bài tập thực hành.

2. Trọng tâm bài học

Đây là bài dạy trong hai tiết :

– Ở tiết 1, cần phân tích để HS hiểu nội dung vấn đề *sự trong sáng của tiếng Việt*. Đây là khái niệm có tính chất trừu tượng, không dễ nắm bắt. Đối với HS THPT, nên thông qua những hiện tượng cụ thể trong việc sử dụng ngôn ngữ để giúp HS phân biệt thế nào là trong sáng và thế nào là không trong sáng. Trong SGK có nêu một số ví dụ cả dùng đúng và dùng sai. Về ba phương diện cơ bản của sự trong sáng trong tiếng Việt (tính chuẩn mực, có quy tắc ; sự không lai căng, lạm dụng ngôn ngữ khác ;

phẩm chất văn hoá, lịch sự của lời nói), GV có thể dẫn thêm các ví dụ khác, tốt nhất là lấy từ thực tế sử dụng ngôn ngữ của HS để các em dễ nhận thức.

– Tiết 2 có nội dung về trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. GV cần khẳng định để HS thấy rõ sự trong sáng là một phẩm chất của tiếng Việt, nhưng nếu mỗi cá nhân không có ý thức, không có trách nhiệm và thói quen rèn luyện thì không giữ gìn và phát huy được sự trong sáng đó. SGK trình bày trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt ở ba phương diện :

+ Cần có tình cảm yêu mến và ý thức quý trọng tiếng Việt.

+ Cần có những hiểu biết cần thiết về tiếng Việt thông qua kinh nghiệm thực tế, từ sự trau dồi, học hỏi qua giao tiếp, qua sách báo hoặc qua việc học tập ở nhà trường,...

+ Cần sử dụng tiếng Việt theo đúng các chuẩn mực và quy tắc của nó, tránh lạm dụng ngôn ngữ khác ; cần nâng cao phẩm chất văn hoá trong giao tiếp ngôn ngữ.

– Trong bài học còn có hoạt động luyện tập thực hành thông qua việc làm các bài tập. Ngoài ra, GV có thể cho HS tìm hiểu về khái niệm sự trong sáng của tiếng Việt thông qua phần *Đọc thêm* (các đoạn trích, ý kiến của một số tác giả).

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Khi GV hướng dẫn cho HS xác định nội dung sự trong sáng của tiếng Việt và những biểu hiện của sự trong sáng, nên xuất phát từ những ngữ liệu thực tế. Ngoài các ngữ liệu trong SGK, GV có thể tham khảo thêm các tài liệu khác về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Từ các ngữ liệu đó dẫn đến nội dung việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. HS thảo luận, nhận xét, GV hướng dẫn và tổng kết thành nội dung của phần *Ghi nhớ*.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Bài học được tổ chức thành hai bước (ở cả hai tiết) :

Bước 1 : Tìm hiểu những nội dung lí thuyết.

Khi đi vào những vấn đề lí thuyết, cần luôn luôn phối hợp giữa nhận định lí thuyết và phân tích ngữ liệu thực tế. Việc phân tích ngữ liệu cần chỉ ra cái đúng, cái sai, cái trong sáng và không trong sáng về nội dung và hình thức (như ở một số ví dụ trong SGK đã làm).

Bước 2: Thực hành luyện tập.

Các bài tập có yêu cầu phân tích, nhận diện hoặc sửa chữa, tạo lập nhưng đều hướng đến vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

Cho HS lần lượt giải các bài tập trong SGK. Đánh giá nhận thức và kĩ năng của HS thông qua việc làm các bài tập đó.

2. Gợi ý giải bài tập

TIẾT 1

Bài tập 1

Bài tập yêu cầu phân tích tính chuẩn xác trong việc sử dụng từ ngữ của Nguyễn Du và Hoài Thanh. Tính chuẩn xác là một biểu hiện về sự trong sáng của ngôn ngữ. Muốn thấy được tính chuẩn xác, cần đặt các từ trong mục đích chỉ ra những nét tiêu biểu về diện mạo hoặc tính cách các nhân vật trong *Truyện Kiều*, đồng thời so sánh, đối chiếu với các từ gần nghĩa, đồng nghĩa cùng biểu hiện tính cách đó mà hai nhà văn đã không dùng. Các từ ngữ nói về các nhân vật mà hai tác giả đã sử dụng :

- Kim Trọng : *rất mực chung tình*
- Thuý Vân : *cô em gái ngoan*
- Hoạn Thư : *người đàn bà bán linh khác thường, biết điều mà cay nghiệt*
- Thúc Sinh : *sợ vợ*
- Từ Hải : *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ*
- Tú Bà : *màu da “nhòn nhọt”*
- Mã Giám Sinh : *“mày râu nhẵn nhụi”*
- Sở Khanh : *chải chuốt dịu dàng*
- Bạc Bà, Bạc Hạnh : *miệng thề “xoén xoét”.*

Đối với các từ ngữ dùng cho mỗi nhân vật, GV nên gợi ý để HS nhớ lại những chi tiết tiêu biểu trong *Truyện Kiều* gắn với từng nhân vật. Từ đó, thấy được độ chuẩn xác của việc dùng các từ ngữ đó. Chẳng hạn, đối với Kim Trọng, việc dùng cụm từ “rất mực chung tình” là rất chính xác. Kim Trọng yêu say đắm Thuý Kiều, nhưng vì tai hoạ giáng xuống gia đình Thuý Kiều nên mối tình của họ không được

toại nguyện. Mặc dù được thay thế bằng mối tình của Thuý Vân, nhưng Kim Trọng vẫn không lúc nào nguôi tình cảm với Thuý Kiều. Kim Trọng đã bằng mọi cách để tìm tung tích Thuý Kiều và cuối cùng đã tìm được nàng bị lưu lạc ở phương xa. Tìm được Thuý Kiều, tình cảm của Kim Trọng vẫn đậm thắm như xưa, nghĩa là vẫn “rất mực chung tình”.

Bài tập 2

Đoạn văn đã bị lược bỏ một số dấu câu, do đó, lời văn không gãy gọn, ý không được sáng rõ. Muốn đạt được sự trong sáng, cần khôi phục lại những dấu câu cần thiết vào các vị trí thích hợp như sau :

Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận – dọc đường đi của mình – những dòng nước khác. Dòng ngôn ngữ cũng vậy – một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì mà thời đại đem lại.

(Chế Lan Viên)

Ở một số vị trí trong đoạn văn trên có thể có những khả năng khác trong việc dùng dấu câu nhưng vẫn đảm bảo nội dung cơ bản mà tác giả định biểu hiện. Do đó, khi làm bài tập này, GV có thể cho phép một số phương án giải quyết khác, chẳng hạn :

- Thay cho hai dấu gạch ngang ở câu 2 là hai dấu ngoặc đơn.
- Thay cho dấu gạch ngang ở câu 3 là dấu hai chấm.

Bài tập 3

Từ *Microsoft* là tên một công ti nên cần dùng. Từ *file* có thể chuyển dịch thành từ tiếng Việt là *tệp tin* để cho những người không chuyên làm việc với máy vi tính dễ hiểu hơn. Từ *hacker* nên chuyển dịch là *kẻ đột nhập trái phép hệ thống máy tính* cho dễ hiểu. Còn từ *cocoruder* là danh từ tự xưng nên có thể giữ nguyên. Như vậy, trong câu này có hai từ nước ngoài (*file, hacker*) nên dịch nghĩa ra tiếng Việt.

TIẾT 2

Bài tập 1

Các câu *b, c, d* là những câu trong sáng, câu *a* không trong sáng. Ở câu *a*, có sự lẫn lộn giữa trạng ngữ (*Muốn xoá bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn*) với chủ ngữ của động từ *đòi hỏi*, trong khi đó, các câu *b, c, d* thể hiện rõ các thành phần ngữ pháp và các quan hệ ý nghĩa trong câu.

Bài tập 2

Trong lời quảng cáo dùng tới ba hình thức biểu hiện cùng một nội dung : *ngày lễ Tình nhân, ngày Valentine, ngày Tình yêu*. Tiếng Việt có hình thức biểu hiện thoả đáng là *ngày Tình yêu* (vừa có ý nghĩa cơ bản tương ứng với từ *Valentine*, vừa có sắc thái biểu cảm ý nhị, dễ cảm nhận và linh hoạt đối với người Việt Nam), do đó không cần và không nên sử dụng hình thức biểu hiện của tiếng nước ngoài là *Valentine*. Còn hình thức biểu hiện *ngày lễ Tình nhân* thì *Tình nhân* cấu tạo theo kiểu từ tiếng Hán và thiên nói về con người, trong khi *ngày Tình yêu* rất thuần Việt, lại biểu hiện được ý nghĩa cao đẹp là tình cảm của con người.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả, *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1980.
2. Nhiều tác giả, *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1982.
3. Hoàng Tuệ, *Cuộc sống ở trong ngôn ngữ*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984.